**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH - XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**

**SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**I. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn giải quyết** | **Đơn vị thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 2.002308 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp | Không quy định | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Khoản 2, Điều 2 và Điều 4, Thông tư số [24/2009/TT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-24-2009-tt-bldtbxh-huong-dan-quyet-dinh-170-2008-qd-ttg-che-do-bao-hiem-y-te-tro-cap-mai-tang-thanh-nien-xung-phong-khang-chien-chong-phap-91176.aspx) ngày 10/7/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số [170/2008/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/quyet-dinh-170-2008-qd-ttg-che-do-bao-hiem-y-te-va-tro-cap-mai-tang-thanh-nien-xung-phong-thoi-ky-khang-chien-chong-phap-82986.aspx" \o "Quyết định 170/2008/QĐ-TTg" \t "_blank) ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 02 | 1.004964 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia | 25 ngày làm việc:  - Cấp xã: 15 ngày  - Cấp huyện: 05 ngày  - Cấp tỉnh: 05 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Thông tư liên tịch số [17/2014/TTLT-BLĐTBXH- BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-lien-tich-17-2014-ttlt-bldtbxh-btc-tro-cap-mot-lan-nguoi-duoc-cu-chuyen-gia-lao-campuchia-244297.aspx) ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số [57/2013/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-57-2013-qd-ttg-tro-cap-mot-lan-nguoi-duoc-cu-lam-chuyen-gia-sang-giup-lao-cam-pu-chi-a-209826.aspx) ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. |  |
| 03 | 1.001257 | Thủ tục giải quyết trợ cấp một lầnđối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 22 ngày làm việc:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 07 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Quyết định 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016, về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. |  |

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Đơn vị thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp**  **hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 2.002307 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh | 25 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. |  |

**3. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên**

| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Đơn vị thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.005387 | Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi | 25 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 7 Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. |  |
| 02 | 1.002252 | Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần | 25 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 03 | 1.002271 | Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần | 25 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 39 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 04 | 1.002305 | Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ | 20 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 05 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 6 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 05 | 1.002363 | Giải quyết chế độ trợ cấp đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến | 18 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 05 ngày  - Cấp tỉnh: 08 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 14, 15 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 06 | 1.002410 | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 110 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 10 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 90 ngày:  + Sở LĐTBXH: 20 ngày  + HĐGĐYK: 60 ngày  + Sở Y tế: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH, Hội đồng giám định Y khoa, Sở Y tế. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | - Điều 27, 29, 30 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;  - Điều 5 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 |  |
| 07 | 1.002429 | Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày | 28 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 13 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | - Điều 33, 34 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;  - Điều 9 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 |  |
| 08 | 1.002440 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | 25 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | - Điều 35, 36 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;  - Điều 12 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 09 | 1.006779 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 30 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện:10 ngày  - Cấp tỉnh: 15 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 10, 11 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 10 | 1.002519 | Giải quyết chế độ ưu đãi Bà mẹ Việt Nam anh hùng | 18 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 05 ngày  - Cấp tỉnh: 08 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 12, 13 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 11 | 1.002741 | Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ | Không quy định | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 11 Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH ngày 20/10/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Quốc phòng hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 12 | 1.002745 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | 18 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện: 08 ngày  - Cấp tỉnh: 05 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 14 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 13 | 1.003057 | Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ | 13 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 04 ngày  - Cấp huyện: 04 ngày  - Cấp tỉnh: 05 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 6 Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 14 | 1.003351 | Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 110 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 10 ngày  - Cấp huyện: 10 ngày  - Cấp tỉnh: 90 ngày  + Sở LĐ-TB&XH: 20 ngày  + HĐGĐYK: 60 ngày  + Sở Y tế: 10 ngày | - UBND xã;  - Phòng LĐTBXH, UBND huyện;  - Sở LĐTBXH, Hội đồng giám định Y khoa, Sở Y tế. | UBND cấp xã | Không | - Điều 28 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;  - Điều 5 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 15 | 1.003423 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | 25 ngày làm việc, trong đó:  - Cấp xã: 05 ngày  - Cấp huyện:10 ngày  - Cấp tỉnh:10 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở  LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | - Điều 37, 38 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;  - Điều 12 Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 16 | 1.003159 | Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ | - Nơi quản lý hồ sơ gốc của liệt sĩ: *04 ngày làm việc*  Trong đó:  - Cấp xã: 01 ngày làm việc  - Cấp huyện: 03 ngày làm việc  - Nơi quản lý mộ liệt sĩ và nơi đón nhận và an táng hài cốt liệt sĩ: *không quy định thời gian* | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở  LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | - Điều 18, 19 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân, quản lý các công trình ghi công liệt sĩ. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |

**4. Thủ tục hành chính đưa ra khỏi danh mục công bố**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lý do** |
|
| 01 | B-BLD-286153-TT | Đổi hoặc cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” | Thủ tục hành chính cấp Bộ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. |

**II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI**

**1. Thủ tục hành chính mới ban hành**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Đơn vị thực hiện** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 1.001310 | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và cơ sở trợ giúp trẻ em | 03 ngày làm việc, trong đó:   * Cấp xã: 01 ngày * Cấp huyện: 01 ngày * Cấp tỉnh: 01 ngày | - UBND cấp xã;  - Phòng  LĐ-TB&XH;  - Sở LĐ-TB&XH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Điều 7, Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và giáo dục người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại các cơ sở trợ giúp trẻ em. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |

**2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Đơn vị thực hiện** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC** | **Cách thức thực hiện** | | **Số trang** |
| **Nộp hồ sơ** | **Trả hồ sơ** |
| 01 | 2.000286 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | Đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh: *34 ngày làm việc*.   * Đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện: *27 ngày làm việc.*   + Cấp xã: 17 ngày làm việc  + Cấp huyện: 10 ngày làm việc  + Cấp tỉnh: 07 ngày làm việc | - UBND xã;  - Phòng LĐTBXH, UBND huyện;  - Sở LĐTBXH,  TT BTXHTH | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã | Không | Khoản 2 Điều 27, Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;  - Qua dịch vụ BCCI;  - Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 |  |
| 02 | 2.000282 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | 10 ngày làm việc (trường hợp quá 10 ngày thì phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định) | Cơ sở trợ giúp xã hội | Cơ sở trợ giúp xã hội | Không | Khoản 3 Điều 27, Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. | Trực tiếp | Trực tiếp |  |